

Số: **04** /QĐ-BDT

Quảng Trị, ngày **19** tháng 01 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố, công khai Dự toán chi NSNN năm 2021 và Quyết toán chi NSNN năm 2019 của Ban Dân tộc tỉnh Quảng Trị

TRƯỞNG BAN DÂN TỘC TỈNH QUẢNG TRỊ

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 06/2015/QĐ-UBND ngày 24/4/2015 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc Ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Dân tộc;

Căn cứ Quyết định số 3952/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc công khai Quyết toán ngân sách nhà nước năm 2019 của tỉnh Quảng Trị;

Căn cứ Quyết định số 3628/QĐ-UBND ngày 16/12/2020 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc giao dự toán thu, chi NSNN năm 2021 cho các Sở, Ban ngành, đơn vị trực thuộc tỉnh; Thông báo số 10/STC-TCHCSN ngày 05/01/2021 của Sở Tài chính về việc Thông báo dự toán chi NSNN năm 2021;

Theo đề nghị của Chánh văn phòng Ban Dân tộc.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố, công khai số liệu Dự toán chi NSNN năm 2021 và Quyết toán chi NSNN năm 2019 của Ban Dân tộc tỉnh Quảng Trị (theo biểu số 01,02 đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh văn phòng, Trưởng các phòng chuyên môn, cán bộ công chức Ban Dân tộc và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Sở Tài chính;
- Lưu :VT, VP.

TRƯỞNG BAN
BAN DÂN TỘC

Lê Văn Quyền

Đơn vị: **BAN DÂN TỘC TỈNH QUẢNG TRỊ**

Biểu số 01

Chương: **483**



DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2021

(Kèm theo Quyết định số **04** /QĐ-BDT, ngày **19** /01/2021 của Ban Dân tộc tỉnh Quảng Trị)

Đvt: **Đồng**

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
A	Dự toán chi ngân sách nhà nước	4.725.000.000
I	Chi quản lý hành chính	4.725.000.000
1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	3.086.000.000
1.1	Chi cho con người	2.672.000.000
1.2	Chi công việc (định mức chi thường xuyên theo Nghị quyết số 23/2016/NQ-HĐND)	414.000.000
2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	1.639.000.000
2.1	Kinh phí chi trả cho Hợp đồng giao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP	196.000.000
2.2	Kinh phí tổ chức người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số đi tham quan học tập kinh nghiệm ngoài tỉnh	200.000.000
2.3	Kinh Phí tập huấn bồi dưỡng kiến thức cho người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số tỉnh Quảng Trị	108.000.000
2.4	Kinh phí cấp báo cho người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số (Báo Quảng Trị, Báo Dân tộc Phát triển)	290.000.000
2.5	Kinh phí thăm hỏi ốm đau, khó khăn, tang lễ, khen thưởng người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số tỉnh Quảng Trị	100.000.000
2.6	Kinh phí đón tiếp già làng, trưởng bản, người có uy tín trong và ngoài tỉnh	120.000.000
2.7	Kinh phí chỉ đạo, kiểm tra thực hiện chính sách đối người có uy tín ở các huyện, xã, thôn bản	27.000.000
2.8	Kinh phí duy trì Hệ thống thông tin dữ liệu về công tác dân tộc	78.000.000
2.9	Kinh phí thực hiện đề án đẩy mạnh công tác phổ biến giáo dục pháp luật và tuyên truyền, vận động đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2017-2021	285.000.000
2.10	Hỗ trợ điện, nước sinh hoạt nhà đón tiếp đồng bào dân tộc thiểu số tỉnh Quảng trị	14.000.000
2.11	Kinh phí thực hiện đề án hỗ trợ hoạt động bình đẳng giới vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2018-2025 (kiểm tra, chỉ đạo)	20.000.000
2.12	Kinh phí xăng xe đặc thù công tác địa bàn miền núi	49.000.000
2.13	Kinh phí trang phục thanh tra và hoạt động thanh tra	70.000.000
2.14	Kinh phí Mua sắm, sửa chữa tài sản	82.000.000

Đơn vị: **BAN DÂN TỘC TỈNH QUẢNG TRỊ**
Chương: 483

Biểu số 02



QUYẾT TOÁN CHI NGUỒN NSNN NĂM 2019

(Kèm theo Quyết định số 04 /QĐ-BDT ngày 19 /01/2021 của Ban Dân tộc tỉnh Quảng Trị)

ĐV tính: đồng

Số TT	Nội dung	Số liệu báo cáo quyết toán	Số liệu quyết toán được duyệt	Trong đó		
				Quỹ lương	Mua sắm, sửa chữa	Trích lập các quỹ
I	Quyết toán chi ngân sách nhà nước	7.311.305.000	7.311.305.000	2.767.960.000	72.530.000	86.000.000
1	Chi quản lý hành chính	6.283.059.000	6.283.059.000	2.767.960.000	72.530.000	86.000.000
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	3.150.312.000	3.150.312.000	2.767.960.000	72.530.000	86.000.000
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	3.132.747.000	3.132.747.000			
2	Chi Chương trình mục tiêu Quốc gia	1.028.246.000	1.028.246.000			
2.1	Nâng cao năng lực cộng đồng và cán bộ cơ sở thuộc Chương trình 135	998.258.000	998.258.000			
2.2	Nâng cao năng lực, giám sát đánh giá thực hiện Chương trình 135	29.988.000	29.988.000			